

Số: /BC-BNN-CN

*Hà Nội, ngày tháng năm*

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả triển khai thi hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi**

Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được Chính phủ ban hành ngày 21/01/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 05/3/2020 (Nghị định số 13/2020/NĐ-CP) đã hướng dẫn những nội dung được Luật Chăn nuôi giao về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện cơ sở chăn nuôi, quy mô, mật độ chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi và vật nuôi sống làm thực phẩm tại Việt Nam... Nhiều nội dung của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được triển khai thực hiện trong thực tiễn đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong chăn nuôi, đồng thời phát huy hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, một số tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định về (1) Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc văn bản có giá trị tương đương (CFS) tại điểm c khoản 3 Điều 18 và (2) Cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam tại khoản 2 Điều 29.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo Chính phủ về những nội dung này. Ngày 11/6/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020, trong đó tạm ngưng hiệu lực thi hành của điểm c khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 29 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì rà soát tổng thể, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 13/2020/NĐ-CP. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã gửi công văn<sup>1</sup> đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo kết quả triển khai thực hiện các quy định của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và đã nhận được báo cáo của 24/63 Sở Nông nghiệp và PTNT về nội dung trên. Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và PTNT có công văn<sup>2</sup> đề nghị Đại sứ quán của 13 quốc gia tại Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm, quy định quản lý cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống. Ngày 16/11/2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức Hội nghị cho

<sup>1</sup> Công văn số 762/CN-TTTPC ngày 31/8/2020 của Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT

<sup>2</sup> Công văn số 1131/CN-GVN ngày 09/11/2020 của Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT

ý kiến về vướng mắc, bất cập trong thực hiện Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và đề xuất các phương án sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Bên cạnh đó, sau gần 02 năm triển khai thực hiện Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nhận được kiến nghị của một số địa phương về khó khăn, vướng mắc, bất cập khi tổ chức triển khai các quy định của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP trong thực tiễn. Đồng thời, khi rà soát tổng thể Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo yêu cầu của Nghị quyết số 91/NQ-CP, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng nhận thấy một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý, đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ đang chỉ đạo các Bộ, ngành rà soát điều kiện đầu tư, kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh sau đại dịch Covid-19.

Sau đây, Bộ Nông nghiệp và PTNT xin báo cáo kết quả triển khai thi hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP như sau:

## **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 13/2020/NĐ-CP**

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng Kế hoạch, tổ chức 03 Hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn Luật Chăn nuôi; 06 Hội nghị chuyên đề phổ biến, tuyên truyền pháp luật về chăn nuôi, trong đó có các nội dung của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP; đồng thời, Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức một số lớp tập huấn đánh giá điều kiện cơ sở chăn nuôi, sản xuất TACN... Thông qua các Hội nghị này, tổ chức, cá nhân hoạt động trong chăn nuôi nắm bắt, hiểu rõ các quy định, yêu cầu phải thực hiện để có hành vi sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật; trao đổi, phản hồi về những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về chăn nuôi. Đồng thời, cơ quan thực thi pháp luật có cái nhìn đúng đắn, đầy đủ và toàn diện trong áp dụng pháp luật để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hành chính về chăn nuôi.

Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện công tác phổ biến, hướng dẫn thực hiện Luật Chăn nuôi và Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn Luật Chăn nuôi; Đồng thời, Cục Chăn nuôi cũng đã cử cán bộ tham gia xây dựng Luật Chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP tham gia các Hội nghị tuyên truyền, tập huấn do địa phương tổ chức với tư cách là các báo cáo viên để trao đổi, hướng dẫn những nội dung chính của Luật Chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các văn bản có liên quan. Điều này đã tạo cách hiểu, thực hiện các quy định của pháp luật thống nhất giữa các địa phương, giữa cơ

quan nhà nước với doanh nghiệp, hiệp hội và người chăn nuôi. Đồng thời, hỗ trợ, hướng dẫn địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Luật Chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Bên cạnh đó, Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tích cực phối hợp với Báo Nông nghiệp Việt Nam, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xây dựng Chương trình, kế hoạch truyền thông về Luật Chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để những quy định của pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, tạo sự đồng thuận, thống nhất của cơ quan nhà nước và đối tượng chịu sự điều chỉnh trong triển khai, thực hiện.

## **2. Về ban hành các Văn bản hướng dẫn**

### *a) Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về vùng nuôi chim yến*

Điều h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.” và điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định “Vùng nuôi chim yến do UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”. Triển khai quy định này, tính đến 20/11/2021 đã có 17/63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (chiếm 27%) đã ban hành Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về khu vực không được phép chăn nuôi; 13/63 (chiếm 20,63%) địa phương ban hành chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi vực không được phép chăn nuôi; 14/63 (chiếm 22,22%) địa phương quy định vùng nuôi chim yến.

### *b) Quyết định của UBND cấp tỉnh về mật độ chăn nuôi của địa phương*

Khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào mật độ chăn nuôi của vùng quy định mật độ chăn nuôi của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” và khoản 4 Điều 22 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định “Căn cứ chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi và môi trường sinh thái, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mật độ chăn nuôi của địa phương nhưng không vượt quá mật độ chăn nuôi vùng quy định tại khoản 3 Điều này”. Triển khai thực hiện quy định này, tính đến hết ngày 20/11/2021 đã có 22/63 địa phương (chiếm 34,92%) đã ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về mật độ chăn nuôi, trong đó 10/63 tỉnh/thành phố (chiếm 15,87%) quy định mật độ chăn nuôi cho toàn tỉnh/thành phố, 12/63 tỉnh/thành phố (chiếm 19,04%) quy định mật độ chăn nuôi chi tiết đến cấp huyện.

### 3. Về quản lý thức ăn chăn nuôi

#### a) Đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN

Thực hiện quy định tại Điều 39 Luật Chăn nuôi và Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, tính đến 20/11/2021 cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN cho 120/579 cơ sở sản xuất TACN (chiếm 20,72%), các cơ sở còn lại được tiếp tục sản xuất TACN theo quy định chuyển tiếp tại Điều 34 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN nhưng do tình hình dịch bệnh nên cơ quan quản lý nhà nước chưa thực hiện việc đánh giá, cấp Giấy chứng nhận được. Trong tổng số 120 cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN, có 34/199 cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung (do Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá, cấp), 74/265 cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và 12/115 cơ sở sản xuất thức ăn truyền thông (do Sở Nông nghiệp và PTNT đánh giá, cấp).

#### b) Kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN

Thực hiện quy định tại 4 Điều 43 Luật Chăn nuôi và Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu, từ 05/3/2020 (thời điểm Nghị định số 13/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) đến hết 31/10/2021, Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tiếp nhận 22.408 hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng TACN nhập khẩu. Qua kiểm tra đã phát hiện, xử lý 15 vụ vi phạm hành chính và ban hành 14 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, 01 quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trong đó, 10 quyết định phạt tiền với tổng số tiền phạt là 583.000.000 đồng và 03 quyết định phạt cảnh cáo. Đồng thời, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy 03 lô hàng, buộc tái xuất 03 lô hàng, buộc công bố lại thông tin 07 lô hàng.

Số lô hàng TACN vừa phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng vừa phải thực hiện kiểm dịch động vật là 17.573 lô, số lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng là 7 lô. Qua kiểm tra đã phát hiện và ban hành Quyết định xử phạt cảnh cáo đối với 01 lô hàng vi phạm hành chính.

Số lô hàng TACN vừa phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng vừa phải thực hiện kiểm dịch thực vật là 27.974 lô, số lô hàng thuộc diện miễn kiểm tra 344 lô.

#### b) Cấp phép nhập khẩu TACN chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Chăn nuôi và Điều 13 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm, nuôi thích nghi, nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu. Từ ngày 05/3/2020 đến hết ngày 31/10/2021, Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tiếp nhận, xem xét 155 hồ sơ đăng ký cấp phép nhập khẩu TACN chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trong đó, 150 hồ sơ nhập khẩu thức ăn chăn nuôi để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm (chiếm 96,77%), 5 hồ sơ nhập khẩu thức ăn chăn nuôi để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu (chiếm 3,33%).

#### **4. Về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi**

Hiện nay, có 15 cơ sở sản xuất, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đang hoạt động theo quy định của Điều 63 Luật Chăn nuôi và Điều 32 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, trong đó có 02 cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có nguồn gốc hóa học, 13 cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là chế phẩm sinh học.

Điểm c khoản 1 Điều 62 Luật Chăn nuôi và Điều 30 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trước khi lưu thông trên thị trường phải được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Đến tháng 11/2021, đã có 23 sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được công bố thông tin trên Cổng thông tin của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong đó 21 sản phẩm là chế phẩm sinh học (bao gồm 20 sản phẩm được sản xuất trong nước, 01 sản phẩm nhập khẩu), 02 sản phẩm là hóa chất.

#### **5. Về tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam**

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm 2020, Việt Nam đã nhập khẩu 491.457 con lợn, trong đó có 43.806 con lợn giống (chiếm 8,9%) của 25 doanh nghiệp nhập khẩu từ 06 quốc gia, vùng lãnh thổ (Thái Lan, Canada, Mỹ, Đan Mạch, Pháp, Đài Loan) qua 04 cửa khẩu (cửa khẩu quốc tế Bờ Y – Kon Tum, cửa khẩu Lao Bảo – Quảng Trị, sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Nội Bài) và 447.651 con lợn thương phẩm (chiếm 91,1%) của 35 doanh nghiệp nhập khẩu từ Thái Lan qua 06 cửa khẩu (Cửa khẩu Lao Bảo - Quảng Trị, Cửa khẩu Bình Hiệp - Long An, Cửa khẩu Cha Lo - Quảng Bình, Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y – Kon Tum, Cửa khẩu Mộc Bài - Tây Ninh, Cửa khẩu Cầu Treo - Hà Tĩnh). Đối với gia cầm giống, 30 doanh nghiệp đã nhập khẩu vào Việt Nam 3.875.189 con gia cầm giống (gà: 3.807.229 con, chiếm 98,2%; vịt: 62.335 con, chiếm 1,6%; ngan: 5.625, chiếm 0,1%) từ 08 quốc gia qua cửa khẩu tại Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Hà Nội. Đối với trâu, bò sống nhập khẩu, trong năm 2020, Việt Nam đã nhập khẩu 554.875 con trâu, bò sống để giết thịt (bò: 507.788 con, chiếm 91,5%; trâu: 47.087 con, chiếm 8,5%) từ 03 quốc gia (Úc: 271.487 con, chiếm

48,9%; Thái Lan: 283.208 con, chiếm 51%; Lào: 180 con, chiếm 0,1%) qua cửa khẩu tại 08 địa phương (Quảng Bình, Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Ninh, Quảng Trị, Hải Phòng, Bình Định, Hà Tĩnh, Long An)

## **II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

### **1. Quy định về Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn**

Điều 6 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định về Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn. Theo đó, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định chi tiết các giống vật nuôi cần bảo tồn. Hiện nay, một số giống vật nuôi trong Danh mục này đã được đưa vào khai thác, phát triển, trong khi đó một số giống vật nuôi bản địa cần phải được quan tâm, bảo tồn. Cụ thể, Quyết định số 777/QĐ-BKHHCN ngày 06/4/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ đã đưa giống gà H'Re vào sản xuất thử nghiệm ở một số tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, giống lợn Mường Tè vào khai thác, phát triển ở một số tỉnh vùng Tây Bắc; Quyết định số 3560/QĐ-BKHHCN ngày 27/11/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ đã đưa giống Trâu Langbiang vào khai thác, phát triển tại tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 2024/QĐ-BKHHCN ngày 02/8/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ đã đưa vào khai thác và phát triển nguồn gen Gà trĩu lông cổ tại tỉnh Nghệ An, giống Lợn cỏ tại tỉnh Bình Thuận, giống Dê đen tại tỉnh Hà Giang; Quyết định số 3549/QĐ-BKHHCN ngày 19/11/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ đã đưa vào khai thác và phát triển đối với giống Ngan trâu. Điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định “nguồn gen giống vật nuôi đưa vào khai thác, phát triển thì được đưa ra khỏi danh sách nguồn gen giống vật nuôi được bảo tồn”. Do đó, cần nghiên cứu, sửa đổi Phụ lục V về Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu về bảo tồn các giống vật nuôi.

### **2. Quy định về thức ăn chăn nuôi**

*2.1. Trường hợp không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (khoản 8 Điều 10)*

Hiện nay, một số sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc từ cơ sở sản xuất thực phẩm được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi. Khoản 8 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định trường hợp không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi không bao gồm cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận bảo đảm an toàn thực phẩm. Trong khi đó, cơ sở sản xuất thực phẩm đã được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận bảo đảm an toàn thực phẩm, được giám sát bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực thực phẩm nên thực phẩm được sản xuất từ cơ sở này sử dụng làm thức ăn chăn nuôi cũng đã được kiểm soát và không cần cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN đối

với các cơ sở này. Do đó, để giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và tránh chồng chéo trong quản lý nhà nước thì cần nghiên cứu, bổ sung “*Cơ sở sản xuất thực phẩm đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn thực phẩm có sản phẩm thực phẩm, phụ phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm bảo đảm chất lượng được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi mà không qua bất kỳ bước sơ chế, chế biến nào khác của cơ sở đó*” vào trường hợp không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.

### *2.2. Đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất TACN (Điều 11)*

Đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi là một trong hai nội dung về Đánh giá điều kiện thực tế sản xuất thức ăn chăn nuôi được quy định tại Điều 11 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP chỉ quy định về tần suất đánh giá giám sát duy trì điều kiện tại khoản 5 Điều 11 và nội dung đánh giá tại phần II Bảng nội dung đánh giá điều kiện sản xuất TACN của Mẫu số 05.TACN Phụ lục I; không quy định trình tự, thủ tục đánh giá giám sát, xử lý kết quả đánh giá giám sát. Điều này gây lúng túng cho cơ quan đánh giá và thực hiện không thống nhất giữa các địa phương. Do đó, cần phải nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định về trình tự, thủ tục, xử lý kết quả sau đánh giá giám sát để minh bạch hóa các khâu và bảo đảm thực hiện thống nhất đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi trên phạm vi cả nước.

### *2.3. Đánh giá thừa nhận phương pháp thử nghiệm, quy trình khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu (Điều 14, Điều 15)*

Khoản 3 Điều 14 quy định về trình tự thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu gồm 02 bước, bước 1 là thẩm định hồ sơ do Cục Chăn nuôi thực hiện, bước 2 đánh giá thực tế tại phòng thử nghiệm (nếu cần thiết) do Đoàn đánh giá thực hiện (bao gồm Cục Chăn nuôi, các đơn vị có liên quan và các chuyên gia kỹ thuật). Tuy nhiên, hồ sơ đăng ký thừa nhận thử nghiệm thức ăn chăn nuôi tại khoản 2 Điều 14 gồm nhiều tài liệu kỹ thuật cần có sự đánh giá của các chuyên gia kỹ thuật. Do đó, việc xem xét hồ sơ tại bước 1 cũng cần có sự tham gia của các chuyên gia kỹ thuật và tổ chức thực hiện dưới hình thức Đoàn đánh giá để kết quả đánh giá được chính xác, khách quan. Đồng thời, phải nghiên cứu, bổ sung quy định về chi phí thực hiện công việc để làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện nội dung này trên thực tế vì ngân sách nhà nước không bảo đảm cho thực hiện công việc này.

Tương tự như vậy, cũng cần nghiên cứu, sửa đổi bổ sung quy định về thừa nhận quy trình khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu tại Điều 15 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP.

*2.4. Quy định về Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) trong hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu đối với nguyên liệu đơn, thức ăn truyền thống (điểm c khoản 3 Điều 18)*

Một số tổ chức quốc tế, doanh nghiệp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi phản ánh khó khăn về việc cung cấp CFS trong hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng nhập khẩu nguyên liệu đơn, thức ăn chăn nuôi truyền thống vì một số lý do sau:

a) Quy định về cấp CFS cho sản phẩm thức ăn chăn nuôi truyền thống còn có sự khác nhau giữa các quốc gia về cơ quan có thẩm quyền cấp (ở một số quốc gia, CFS được cấp bởi tổ chức, hiệp hội, không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Mỹ: một số nhà cung cấp có thể xin được CFS phát hành bởi cơ quan nhà nước, một số khác chỉ có thể tự chứng nhận và có chữ ký xác thực của cơ quan nhà nước.

- Nam Mỹ (Argentina, Brazil): cơ quan nhà nước không cấp CFS. Nhà cung cấp các nước này chỉ có thể cung cấp CFS do cơ quan giám định độc lập phát hành.

- Canada, Nga: việc xin CFS rất khó khăn và hiện tại chưa có kết quả.

- Singapore, Indonesia, Malaysia: cơ quan nhà nước chỉ cấp CFS cho các loại thức ăn chăn nuôi đã được xử lý hoặc trộn với các thành phần thức ăn khác. Các loại thức ăn thô thì không phát hành CFS.

- Châu Phi: đối với các quốc gia Tanzania, Kenya, CFS do Phòng thương mại và công nghiệp cấp; các quốc gia Mozambique, Uganda, Rwanda, Burundi... vẫn chưa được cấp CFS.

b) Chưa có cách hiểu thống nhất về văn bản có giá trị tương đương. Hiện nay, CFS có nhiều mẫu khác nhau, nhiều trường hợp cùng một mặt hàng, cùng một xuất xứ (cùng bang, cùng nước xuất khẩu như ở Hoa Kỳ) nhưng có mẫu CFS khác nhau do các cơ quan khác nhau cấp. Một số CFS có nội dung quy định sản phẩm thức ăn chăn nuôi chỉ được lưu hành tự do tại một bang, không phải trong phạm vi cả nước trong khi các bang khác của Hoa Kỳ lại cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do trong cả nước.

c) Một số nước xuất khẩu chưa cấp CFS cho một số mặt hàng thức ăn chăn nuôi truyền thống, ví dụ Canada hiện nay không cấp CFS đối với mặt hàng đậu tương, Indonesia không cấp CFS đối với mặt hàng khô dầu cọ... nhưng các nước khác lại có cấp.

Do đó, một số tổ chức, cá nhân nhập khẩu thức ăn chăn nuôi đề nghị nghiên cứu, bãi bỏ quy định về CFS trong hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về

chất lượng đối với nguyên liệu đơn, thức ăn chăn nuôi truyền thống hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung này theo hướng quy định cụ thể về cơ quan có thẩm quyền cấp của từng quốc gia, quy định rõ các văn bản có giá trị tương đương CFS.

*2.5. Trình tự, thủ tục kiểm tra và miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với TACN nhập khẩu*

a) Trình tự kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu (khoản 4 Điều 18)

Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định trình tự kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Theo đó, sau khi tổ chức chứng nhận được chỉ định hoàn thành việc phân tích chất lượng thức ăn nhập khẩu thì gửi kết quả về cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Nông nghiệp và PTNT) để xác nhận về kết quả kiểm tra. Điều này làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính của doanh nghiệp, phát sinh công việc không cần thiết cho cơ quan quản lý nhà nước vì các tổ chức chứng nhận đã được cơ quan quản lý nhà nước chỉ định thực hiện việc lấy mẫu, phân tích kiểm tra chất lượng theo quy định của pháp luật. Hằng năm, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức chứng nhận này. Do đó, để tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu, phù hợp với chủ trương xã hội hóa của Chính phủ và giảm bớt công việc không cần thiết trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước thì cần nghiên cứu, sửa đổi trình tự về kiểm tra nhà nước theo hướng cho đơn giản hóa nhưng vẫn kiểm soát được chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu.

b) Miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với TACN nhập khẩu

Điểm c khoản 5 Điều 18 dẫn chiếu quy định đánh giá giám sát lô thức ăn chăn nuôi được miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Theo đó, lô hàng thức ăn chăn nuôi được miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng vẫn phải đánh giá chứng nhận hợp quy đối với từng lô hàng nhập khẩu. Điều này làm phát sinh thêm chi phí, thời gian của doanh nghiệp nhập khẩu và mất đi bản chất, ý nghĩa của việc miễn giảm kiểm tra. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định miễn công bố hợp quy đối với từng lô hàng được áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra để giảm chi phí đánh giá sự phù hợp và thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên để nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm được áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra vẫn phải được đánh giá giám sát theo định kỳ hoặc theo tỷ lệ lô hàng nhập khẩu nhất định.

### *2.6. Kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu sau thông quan*

Hiện nay, Chính phủ đang xây dựng Nghị định quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước đối với sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu. Trường hợp Chính phủ thông qua Nghị định này thì việc kiểm tra chất lượng đối với TACN nhập khẩu sẽ chỉ phải thực hiện ở lần nhập khẩu đầu tiên và cấp số đăng ký hợp quy. Từ lần nhập khẩu sau, đối với sản phẩm cùng loại, của cùng doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu chỉ kê khai để được thông quan. Đối với nguyên liệu TACN nhập khẩu thì được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng. Do đó, cần phải bổ sung quy định về kiểm tra nhà nước chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan để bảo đảm kiểm soát chất lượng TACN nhập khẩu, đặc biệt là nguyên liệu TACN nhập khẩu.

### *2.7. Xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng TACN*

Điểm c khoản 4 Điều 19 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định trường hợp lô hàng có kết quả thử nghiệm bị khiếu nại mà đã hết hạn sử dụng, thì kết quả thử nghiệm lần đầu là căn cứ để đưa ra kết luận cuối cùng. Một số doanh nghiệp phản ánh, thời gian thông báo kết quả thử nghiệm của cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp bị kiểm tra kéo dài, dẫn đến tình trạng sản phẩm hết hạn sử dụng và doanh nghiệp không được quyền khiếu nại. Do đó, cần nghiên cứu, quy định cụ thể hơn về thời gian trả kết quả thử nghiệm để bảo đảm quyền khiếu nại của doanh nghiệp.

## **3. Cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam (khoản 2 Điều 29)**

Một số doanh nghiệp, địa phương phản ánh đây là vấn đề mới và phần lớn cửa khẩu, cảng biển Việt Nam chưa có hạ tầng dành riêng cho nuôi cách ly động vật nhập khẩu (thường là 45 ngày) trước khi thông quan, quy định danh mục một số cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam chưa bao quát hết các cửa khẩu mà doanh nghiệp đang nhập khẩu hiện nay nên các đơn vị nhập khẩu phải vận chuyển động vật sống nhập khẩu đi quá xa tới nơi nuôi cách ly, làm tăng nguy cơ phát tán mầm bệnh, tăng nguy cơ lây lan dịch bệnh, tăng chi phí vận chuyển. Đồng thời, đề xuất bổ sung các cửa khẩu được phép tiếp nhận động vật sống như Hòn La, Cha Lo, Long An, Vũng Áng... để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đã xây dựng địa điểm nuôi cách ly gần khu vực các cảng này, đảm bảo an toàn dịch bệnh, giảm chi phí vận chuyển cho doanh nghiệp.

Do đó, đề nghị nghiên cứu, không quy định cụ thể các cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam vì hằng năm có thể thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế. Quy định tiêu chí đối với cửa khẩu được phép tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam.

#### **4. Quy mô chăn nuôi (Điều 21)**

Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định về nguyên tắc xác định quy mô chăn nuôi. Theo đó, quy mô chăn nuôi đối với gia súc, gia cầm được xác định bằng số lượng đơn vị vật nuôi (ĐVN), đối với các loại vật nuôi khác được xác định bằng số lượng vật nuôi; đối với cơ sở chăn nuôi hỗn hợp được xác định tổng số ĐVN của gia súc và gia cầm, số lượng từng loại vật nuôi khác. Trong khi đó, chế định quản lý đối với mỗi loại quy mô chăn nuôi là khác nhau. Vì vậy, việc quy định không thống nhất giữa đơn vị quy đổi giữa gia súc, gia cầm và vật nuôi khác dẫn đến không thể xác định được quy mô chăn nuôi trong trường hợp cơ sở chăn nuôi hỗn hợp để thực hiện các quy định của pháp luật cho phù hợp. Do đó, cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về xác định quy mô chăn nuôi trong trường hợp cơ sở nuôi hỗn hợp gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi theo hướng quy đổi khối lượng một số động vật khác trong chăn nuôi tương tự gia súc, gia cầm (hươu sao, vịt trời...) thành đơn vị vật nuôi. Đối với các loại vật nuôi khác khó kiểm đếm số lượng, khối lượng cá thể quá nhỏ hoặc quá trình chăn nuôi không gây ảnh hưởng nhiều đến môi trường (ong mật, dế, bọ cạp, tằm, giun quế...) thì không xem xét khi xác định quy mô chăn nuôi, kể cả trong trường hợp nuôi hỗn hợp.

#### **5. Sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (Chương VI)**

Luật Đầu tư năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 tại Phụ lục IV quy định “Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi” là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Luật này “Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. Hiện nay, việc quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được quy định tại Điều 62 và Điều 63 Luật Chăn nuôi và giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 30, 31 và 32 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, các nội dung này đều được ban hành trước khi Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành, vì vậy cần phải nghiên cứu, sửa đổi quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư năm 2020.

Hơn nữa, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cũng tương tự như các loại vật tư khác trong nông nghiệp như sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, tuy nhiên quy định, cách thức quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi còn thiếu, chưa đồng nhất với các loại vật tư khác. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự cạnh

tranh bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, tránh việc “lách luật” để thực hiện hành vi vi phạm thì cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý.

Cụ thể như sau:

- Pháp luật yêu cầu sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thức ăn thủy sản (Luật Thủy sản, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP), thức ăn chăn nuôi (Luật Chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP) phải được sản xuất ở cơ sở đủ điều kiện, các cơ sở này phải được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất. Đồng thời, được giám sát, duy trì điều kiện trong suốt quá trình sản xuất. Do đó, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi phải được sản xuất tại cơ sở được đánh giá và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Bổ sung quy định về cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng lược bỏ các tài liệu, hồ sơ không cần thiết, quy định cụ thể hơn về tài liệu, hồ sơ cần chuẩn bị để tạo điều kiện cho việc công bố thông tin sản phẩm được dễ dàng, thuận lợi theo chỉ đạo của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Nghiên cứu, bổ sung quy định “*Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam*” để yêu cầu phải khảo nghiệm đối với sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi lần đầu được sản xuất hoặc nhập khẩu vào Việt Nam có chứa chất mới. Kết quả sau khi kết thúc khảo nghiệm sẽ được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận và bổ sung vào Danh mục.

- Nghiên cứu, bổ sung toàn diện, đầy đủ các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi để hoàn thiện hành lang pháp lý và thực hiện quản lý thống nhất trong phạm vi cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm này. Để bảo đảm cách thức quản lý tương đồng với các loại vật tư khác trong nông nghiệp, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định về điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, các hình thức xử lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng; quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

## 6. Một số vấn đề khác

### 6.1. Giải thích từ ngữ về “Loa phóng” (khoản 6 Điều 3)

Điểm d khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP yêu cầu nhà yến đã hoạt động trước ngày 05/3/2020 nhưng không thuộc vùng nuôi chim yến được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300 m thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh. Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định “Loa phóng là thiết bị âm thanh để dẫn dụ chim yến, được đặt ở ngoài cửa lối ra, vào của chim yến”. Một số tổ chức, cá nhân nuôi chim yến đề nghị làm rõ có được phép sử dụng loa phóng đặt trong nhà yến để phát âm thanh dẫn dụ chim yến. Bên cạnh đó, thiết kế các nhà yến rất đa dạng, loa phóng của một số nhà yến không được đặt ở cửa ra vào mà ở phía trên cùng hoặc bên cạnh của nhà yến. Do đó, cần sửa đổi giải thích từ ngữ về “loa phóng” tại khoản 6 Điều 3 để tạo cách hiểu thống nhất trong việc áp dụng quy định của pháp luật về các trường hợp không được phát loa phóng.

### 6.2. Yêu cầu về bản dịch chứng thực của hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính (khoản 6 Điều 4)

Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có chứng thực. Hiện nay, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ thông dụng trong giao tiếp, trao đổi thương mại của nhiều quốc gia và được Liên hợp quốc lựa chọn là một trong sáu ngôn ngữ chính thức. Công chức, viên chức khi tuyển dụng phải đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh), vì thế có thể đọc, hiểu các văn bản tiếng Anh thông thường. Bên cạnh đó, khoản 7 Điều 4 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định “Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ đã nộp”. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi và rút ngắn thời gian cho tổ chức, cá nhân khi chuẩn bị hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính thì đối với tài liệu, hồ sơ bằng tiếng Anh chỉ nên yêu cầu bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện thủ tục hành chính; tài liệu, hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài không phải là tiếng Anh thì bản dịch ra tiếng Việt là bản dịch có công chứng.

### 6.3. Thực hiện đánh giá điều kiện thực tế, đánh giá giám sát, kiểm tra nhà nước về chất lượng trong tình hình thiên tai, dịch bệnh

Nghị định số 13/2020/NĐ-CP quy định cơ quan nhà nước phải thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất TACN (Điều 11), cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi (Điều 24), kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (Điều 18). Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức

tập ở các địa phương nên nhiều cơ sở đã nộp hồ sơ đăng ký nhưng cơ quan nhà nước chưa thành lập được đoàn đánh giá tại thực tế tại cơ sở, nhiều lô hàng TACN nhập khẩu không thể kiểm tra thực tế do yêu cầu thực hiện giãn cách xã hội và phòng, chống dịch bệnh. Do đó, để bảo đảm hoạt động sản xuất bình thường của doanh nghiệp, tạo lập cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước thực thi các hoạt động công vụ trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh, cần nghiên cứu, bổ sung quy định về hướng dẫn thực hiện đánh giá điều kiện thực tế, đánh giá giám sát, kiểm tra nhà nước về chất lượng trong tình hình thiên tai, dịch bệnh.

Bên cạnh đó, một số địa phương, tổ chức, cá nhân có ý kiến về một số nội dung cụ thể trong triển khai thực hiện Nghị định số 13/2020/NĐ-CP như quy định vùng không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ di dời cơ sở ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, khoảng cách an toàn trong chăn nuôi... Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn và có văn bản trả lời, giải đáp thắc mắc đối với từng trường hợp, do đó tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong cách hiểu và triển khai các quy định của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thi hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi./.

***Nơi nhận:***

- Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Vụ Nông nghiệp – VPCP (để p/h);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phùng Đức Tiến**